

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 676/2019/HC-PT

Ngày: 31/7/2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán : Bà Mai Thị Thanh Tú

: Bà Đỗ Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Trần Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 20/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2972/2019/QĐXXPT-HC ngày 03/7/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 16/2, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Vũ Xuân Hòa, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 244 Phạm Hữu Lầu, khu phố 2, phường Phường PM, Quận B, Thành phố H. (Giấy ủy quyền ngày 22/5/2018).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố H.

Địa chỉ: Số 7 Tân Phú, phường TP, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đào Gia V, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B. (Giấy ủy quyền số 5982/GUQ-UBND ngày 26/11/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Đinh Quang Anh L1, Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận B;

- Ông Nguyễn Tuấn K, Chức vụ: Phó Trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B;

- Ông Đặng Hồng Q, Chức vụ: Chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường TTĐ

Địa chỉ: Số 357 Huỳnh Tấn Phát, phường TTĐ, Quận B, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban phường TTĐ: Ông Nguyễn Hùng T3, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTĐ, Quận B. (Giấy ủy quyền số 75/GUQ-UBND ngày 12/11/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường TTĐ:

- Bà Trần Thụy Minh Y – Công chức Địa chính – Xây dựng phường TTĐ;

- Bà Bùi Thị Kim D – Công chức T pháp – Hộ tịch phường TTĐ.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H3, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 392/8/83 Cao Thắng, phường 12, Quận 10, Thành phố H.

4. Người làm chứng: Tổng Công ty Nông nghiệp S1

Địa chỉ: Số 189 Điện Biên Phủ, Phường M, quận BT, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng : Ông Nguyễn Minh H5, sinh năm 1981, Chức vụ: Chuyên viên Phòng Nhân sự hành chính (Giấy ủy quyền 718/GUQ-TCT ngày 11/7/2017).

5. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân Quận B - Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 26/4/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố H (Ủy ban Thành phố) ban hành Quyết định số 1787/QĐ-UB (gọi Quyết định 1787) về thu hồi 84.604m² đất

thuộc Quận 2 và Quận B, giao toàn bộ diện tích đất thu hồi nêu trên cho Công ty Cổ phần BOT cầu Phường PM để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện Dự án đầu T xây dựng cầu Phường PM (gọi Dự án cầu Phường PM).

Ngày 08/6/2004, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B ban hành Phương án số 02/PABT-GPMB (Phương án 02) về giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong Dự án cầu Phường PM và đã được Chủ tịch Ủy ban Thành phố phê duyệt theo Quyết định 3019/QĐ-UB ngày 28/6/2004.

Ngày 29/7/2004 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (gọi Chủ tịch Ủy ban Quận B) ban hành Quyết định số 24/QĐ-UB (gọi Quyết định 24) về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan đơn vị, vật kiến trúc khác nằm trong phạm vi quy hoạch Dự án cầu Phường PM. Diện tích 84.604 m² với 138 trường hợp được điều chỉnh di chuyển (theo danh sách đính kèm).

Ngày 25/7/2005, Ủy ban nhân dân Quận B (gọi Ủy ban Quận B) ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND (Quyết định 107) với nội dung:

- Buộc hộ ông Phan Văn T phải di dời toàn bộ nhà, vật kiến trúc nằm trên phần đất có diện tích 84,14 m² (gọi Phần đất), thuộc thửa 103, tờ bản đồ số 2 (bản đồ vị trí bỏ túc hồ sơ đền bù giải tỏa lập ngày 01/7/2004) để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu T thực hiện Dự án cầu Phường PM.

- Giải quyết các chế độ chính sách bồi thường cho hộ ông T với số tiền tổng cộng 201.888.920 đồng

Ngày 22/10/2014, Ủy ban Quận B ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND (Quyết định 269) về việc về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung phần nhà – đất cho hộ ông T với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 404.576.688 đồng, kèm Bảng chiết tính bổ sung số 80A/BB-BTGPMB (Bảng chiết tính 80A) ngày 08/10/2014 của Ban bồi thường.

Ngày 01/12/2014, Ủy ban Quận B ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND (Quyết định 98) về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định 269 và Bảng chiết tính 80A với lý do: Quyết định 269 chưa đúng với thời điểm sử dụng đất và chưa xác định loại đất. Không chấp nhận quyết định này, ông T khởi kiện.

** Trong đơn khởi kiện ngày 11/6/2015, Bản tự khai, Biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Phan Văn T có bà Vũ Xuân Hòa đại diện trình bày:*

Nhà và đất bị thu hồi trên tọa lạc tại địa chỉ 5/7 Nguyễn Văn Quý, khu phố 1, phường TTĐ, Quận B. Vợ chồng ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết H3 là công nhân biên chế của Xí nghiệp Đồng Tiến. Năm 1991, bà Hoa bị giám biên

ché, ông T xin dựng quán kinh doanh ăn uống ngay bên ngoài hàng rào của Xí nghiệp để có thu nhập và được Ủy ban xã TTĐ và Xí nghiệp chấp nhận theo Đơn ngày 29/11/1991. Sau khi dựng quán, gia đình ông T kinh doanh ăn uống và ở sinh hoạt ổn định từ năm 1991 cho đến ngày bị thu hồi, không bị tranh chấp.

Trong quá trình sử dụng gia đình ông T có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế hàng năm, căn cứ Khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 ông T đủ điều kiện để cấp giấy, căn cứ Báo cáo kết luận Thanh tra số 312/BC-TTCP (Báo cáo Thanh tra 312) ngày 31/01/2013 của Thanh tra chính phủ và Công văn số 3306/UBND-PCNC ngày 11/7/2014 của Ủy ban Thành phố, Ủy ban Quận B ban hành Quyết định 269. Quyết định 269 chưa được thực hiện thì Ủy ban Quận B lại ban hành Quyết định 98 để thu hồi, hủy bỏ. Ông T yêu cầu hủy bỏ Quyết định 98 bởi các lý do sau:

- Về hình thức: Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền thì thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi phải là Ủy ban Quận B, nhưng trong Quyết định 98 phần ký tên lại do Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch;

- Về nội dung: Theo Đơn xin dựng quán; Xác nhận của Ủy ban phường TTĐ; Xác minh của Ban bồi thường; Xác nhận của Công an phường TTĐ; Biên bản hiệp thương bồi thường giải phóng mặt bằng số 80/BBHT-BTGPMB ngày 25/4/2005 của Tổ công tác Ban bồi thường; Các Biên lai đóng thuế nhà đất từ năm 1998 đến năm 2001 thì gia đình ông T có thời gian sử dụng từ năm 1991. Theo Báo cáo Thanh tra 312 và Công văn 3306/UBND-PCNC ngày 11/7/2014 của Ủy ban thành phố hộ ông T là 1 trong 4 hộ được xem xét bồi thường bổ sung, Quyết định 269 bị thu hồi sẽ rất mâu thuẫn với các xác minh nguồn gốc của địa phương.

** Tại Văn bản số 8087/UBND-TNMT ngày 30/11/2016, người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T như sau:*

Theo Tài liệu 02/CT-UB, Phần đất trên thuộc thửa 284-1 tờ bản đồ số 5 khu A xã TTĐ, huyện Nhà Bè. Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính thì vị trí thửa đất 284 tờ Bản đồ số 5 là loại đất xây dựng do Xí nghiệp Đồng Tiến đăng ký.

Căn cứ theo Phương án 02, hộ ông T chỉ được hỗ trợ 30% đơn giá đất ở, nhà và vật kiến trúc khác theo thời điểm khai phá sử dụng làm nhà ở. Ngày 05/8/2005, ông T đã đồng ý chính sách, ký hồ sơ nhận tiền hỗ trợ và bàn giao mặt bằng.

Ngày 22/11/2013, Ủy ban Quận B ban hành Công văn 3797/UBND-BTGPMB (Công văn 3797) gửi Ủy ban Thành phố đề xuất giải quyết chính sách bồi thường, hỗ trợ cho 5 hộ sử dụng nhà - đất phía ngoài hàng rào Xí nghiệp Đồng Tiến.

Ngày 17/4/2014, Ủy ban Quận B ban hành Công văn 1073/UBND-BTGPMB (Công văn 1073) gửi Ủy ban thành phố; Hội đồng Thẩm định bồi thường thành phố; Thanh tra thành phố và Sở Tài chính về báo cáo nguồn gốc pháp lý nhà - đất và việc chi trả bồi thường, hỗ trợ cho 5 hộ sử dụng nhà - đất phía ngoài hàng rào Xí nghiệp Đồng Tiến.

Ngày 11/7/2014, Ủy ban thành phố ban hành Công văn số 3306/UBND-PCNC (Công văn 3306) về việc chấp thuận kiến nghị của Ủy ban Quận B tại Công văn 3797 và Công văn 1073.

Thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban Thành phố tại Công văn 3306, Ủy ban Quận B lập hồ sơ bồi thường bổ sung 100% đơn giá đất ở đối với 5 hộ trong đó có hộ ông T.

Để có cơ sở xác định hộ ông T có nguồn gốc nhà đất Tổng tự 4 hộ (ông Lê Quốc Việt; Bà Nguyễn Thị Bé; Bà Lê Thị Đầy và ông Bạch Xuân Tùng), Ủy ban Quận B đã tiến hành kiểm tra, xác minh lại nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông T. Hộ ông T có quá trình sử dụng nhà đất trên như sau: “*Hộ ông T có nguồn gốc đất thuộc quyền quản lý của Xí nghiệp Đồng Tiến. Năm 1991, ông T có làm đơn xin sử dụng phần đất ngoài hàng rào của Xí nghiệp Đồng Tiến để dựng lều bán quán, không ở tại nơi giải tỏa và được sự đồng ý của Lãnh đạo Xí nghiệp*”. Do phần đất của hộ ông T đang sử dụng có nguồn gốc là đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, không giống với trường hợp của 4 hộ, theo đơn ông T chỉ xin sử dụng đất mục đích là để dựng quán chứ không phải để ở nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Theo Phương án 02 thì trường hợp của ông T không được bồi thường về đất ở mà chỉ được xem xét hỗ trợ 30% đơn giá đất ở. Từ cơ sở này Ủy ban Quận B ban hành Quyết định 98 để thu hồi, hủy bỏ Quyết định 269. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Tại Bản tự khai ngày 28/8/2017, Ủy ban nhân dân phường TTĐ có ông Nguyễn Hùng T3 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1991, ông T làm đơn xin sử dụng phần đất ngoài hàng rào Xí nghiệp Đồng Tiến để dựng lều bán quán, được Lãnh đạo Xí nghiệp chấp thuận, Ủy ban phường TTĐ có Biên bản xác minh ngày 13/01/2005, trong biên bản có thể hiện nhà - đất có nguồn gốc từ 1991 ông T tự cất và sử dụng cho đến nay.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2017, bà Nguyễn Thị Tuyết H3 trình bày:*

Phần đất trên nằm ngoài hàng rào của Xí nghiệp, là đất hoang, vợ chồng bà sử dụng từ năm 1991 đến năm 2005. Năm 2003, vợ chồng bà có lập bản vẽ để làm hồ sơ xin giấy chứng nhận, nhưng vì vướng dự án cầu Phường PM nên không thực hiện được việc kê khai. Với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà đồng ý và không có ý kiến.

** Người làm chứng Tổng Công ty Nông nghiệp SI có ông Nguyễn Minh H5 đại diện trình bày:*

Khi được giao đất, Xí nghiệp xây hàng rào bao quanh và có lùi vào phần trong chừa phần đất phía ngoài tiếp giáp đường hiện hữu. Xí nghiệp chỉ quản lý sử dụng phần diện tích đất trong khuôn viên Hàng rào Xí nghiệp. Các công nhân làm việc tại Xí nghiệp không có nhà ở đều được lưu trú trong khu tập thể của Xí nghiệp, trong đó có hộ ông T.

Năm 1991, ông T có làm đơn xin dựng quán, Xí nghiệp có chấp nhận và ông T đã cất nhà tại phần đất trên, vị trí phần đất nằm ngoài ranh Hàng rào của Xí nghiệp, ông T sử dụng nhà để ở và buôn bán hàng ăn uống.

Xí nghiệp đã nhận tiền bồi thường và không tranh chấp gì với các hộ dân sử dụng đất ngoài hàng rào Xí nghiệp, trong đó có hộ ông T. Xí nghiệp không có liên quan đến việc khởi kiện của ông T nên không có ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 07/5/2018, Tòa án nhân dân Quận B đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy Quyết định 98 của ủy ban Quận B. Ngoài ra trong bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Đào Gia V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban Quận B phát biểu:*

Phần đất bị thu hồi của hộ ông T là đất công do Nhà nước quản lý, hộ ông T sử dụng khác với các hộ ông Lê Quốc Việt; Bà Nguyễn Thị Bé; Bà Lê Thị Đây và ông Bạch Xuân Tùng nên không được bồi thường bổ sung theo Quyết định 269. Căn cứ theo Phương án 02 và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban thành phố có liên quan, Ủy ban Quận B ban hành Quyết định 98. Việc ban hành Quyết định 98 là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban Quận B, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của ông T.

* Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Vũ Xuân Hòa trình bày:

Bản án sơ thẩm hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Trường hợp ông T sử dụng trước 15/10/1993, không có tranh chấp, ở trước thời điểm công bố lộ giới thì được hợp thức hóa, Ủy ban nhân dân Quận B không cho bồi thường bổ sung là không chính đáng, trong khi các hộ cùng khu đất đều được bồi thường. Ông Phan Văn T không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban Quận B, đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H3 có yêu cầu vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban phường TTĐ và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban phường TTĐ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Người đại diện người làm chứng Tổng Công ty Nông nghiệp S1 ông Nguyễn Minh H5 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng;

- Về nội dung kháng cáo của người bị kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy Quyết định 98 được ban hành đúng theo trình tự và thẩm quyền do pháp luật quy định. Ông T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người bị kiện; Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 09/2018/HCST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quyền kháng cáo:

Ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân Quận B tiến hành xét xử và tuyên án.

Ngày 05/12/2018, người bị kiện Ủy ban Quận B thực hiện quyền kháng cáo. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 206 và Điều 207 Luật Tố tụng hành chính, kháng cáo của người bị kiện còn trong thời hạn, được chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại các Đơn ngày 02/5/2019, ngày 10/10/2018, ngày 16/4/2019, ngày 06/5/2019, ngày 31/7/2019, đại diện người bị kiện ông Đào Gia V; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Đinh Quang Anh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban phường TTĐ bà Trần Thụy Minh Y, bà Bùi Thị Kim D; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H3 và Ủy ban phường TTĐ có ông Nguyễn Hùng T3 đại diện; Người làm chứng Tổng Công ty Nông nghiệp S1 có ông Nguyễn Minh H5 đại diện có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về đôi Tọng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quyết định 98 là quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban Quận B ban hành được áp dụng đối với ông Phan Văn T. Ngày 07/7/2015 ông T nộp đơn khởi kiện, được Tòa án nhân dân Quận B thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điều a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về kháng cáo của Ủy ban Quận B:

[3.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị kiện:

Phần đất có diện tích 84,14m² tọa lạc tại địa chỉ 5/7 Nguyễn Văn Quý, phường TTĐ, Quận B của ông T bị thu hồi để thực hiện Dự án cầu Phường PM, Ủy ban Quận B ban hành Quyết định 107 để hỗ trợ cho hộ ông T 30% đơn giá đất ở với tổng số tiền 201.888.920đồng. Tiếp theo Ủy ban Quận B ban hành Quyết định 269 để bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T 100% đơn giá đất ở với tổng số tiền 404.576.688đồng. Ngày 01/12/2014 Ủy ban Quận ban hành Quyết định 98 để thu hồi và hủy bỏ Quyết định 269 với lý do chưa đúng với thời điểm sử dụng đất và chưa xác định loại đất. Quyết định này là quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo quy định của Luật tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì thuộc thẩm quyền của Ủy ban Quận B.

[3.2] Phần đất có diện tích 84,14m² tọa lạc tại địa chỉ 5/7 Nguyễn Văn Quý, phường TTĐ, Quận B. Theo Tài liệu 02/CT-UB thuộc thửa 284-1 tờ bản đồ số 5 khu A xã TTĐ, huyện Nhà Bè. Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính thì vị trí thửa đất 284 tờ Bản đồ số 5 là loại đất xây dựng do Xí nghiệp đóng tàu Đồng Tiến đăng ký. Theo Báo cáo Thanh tra 312 thì khu đất Xí nghiệp Đồng Tiến sử dụng có nguồn gốc, sau giải phóng Nhà nước tiếp quản cơ sở ụ tàu Hồng – Sung theo diện vắng chủ và giao cho Xí nghiệp Đồng Tiến quản lý sử dụng, không thể hiện diện tích đất. Ngay khi được giao đất Xí nghiệp đã xây dựng hàng rào bao quanh khu đất, thực tế trong quá trình sử dụng Xí nghiệp có lùi vào phần trong, chừa phần đất phía ngoài tiếp giáp đường hiện hữu và chỉ quản lý, sử dụng phần diện tích đất trong khuôn viên Tờng rào Xí nghiệp. Các công nhân của Xí nghiệp có gia đình không có nhà ở được Xí nghiệp cho lưu trú trong khu tập thể được xây dựng trong khuôn viên Xí nghiệp trong đó có hộ của ông T.

Theo Công văn 1075, thì qua các thời kỳ sử dụng đất của Xí nghiệp diện tích đăng ký như sau: Sổ mục kê ruộng đất (bộ sao chép) Tài liệu Chỉ thị 299/TTg do Ủy ban xã Tân Thuận lập ngày 16/10/1984, Ủy ban huyện Nhà Bè duyệt ngày 14/12/1984, thửa 104 Xí nghiệp sử dụng 60.327m² ; Sổ mục kê ruộng đất Tài liệu 02/CT-UB, thửa 284 Xí nghiệp sử dụng 53.584m² ; Sổ đã ngoại đo đạc bản đồ (2003) thửa 89 và 90 Xí nghiệp sử dụng 52.057m² . Qua các số liệu cho thấy, diện tích đất Xí nghiệp được giao có bị thu hẹp, trong phần diện tích đất ở mất đi có phần do các hộ dân phía ngoài hàng rào Xí nghiệp sử dụng làm nhà ở hoặc còn để trống phải giải tỏa di dời khi thực hiện Dự án cầu Phường PM.

Tại Đơn xin xác nhận thời gian cư trú đề ngày 09/5/2015 của ông T, Công an phường TTĐ đã xác nhận : “Đ/s Phan Văn T, SN 27/02/1959 có thực tế cư ngụ tại 5/7 Nguyễn Văn Quý, KPI, phường TTĐ, Quận B từ năm 1991 đến 2005”. Tại Biên bản xác minh về nguồn gốc sử dụng nhà, đất ngày 24/9/2004, Ủy ban phường TTĐ cung cấp như sau: “Xí nghiệp cho đất ông T vào năm 1991. Cùng năm, ông T cất nhà ở, đến năm 1992 Ủy ban huyện Nhà Bè quy định lộ giới tạm thời, xã TTĐ có xem xét cho cư ngụ để ổn định cuộc sống vì không còn nơi ở khác”.

Từ các tài liệu, chứng cứ trên cho thấy, kể từ khi được giao đất Xí nghiệp đã không sử dụng hết phần diện tích đất được giao. Năm 1991, phần đất ông T được Xí nghiệp cho sử dụng vẫn là vũng lầy trống không ai sử dụng và trong suốt thời gian từ năm 1991 đến năm 2005 hộ ông T sử dụng đất không bị Xí

nghiệp tranh chấp. Ủy ban Quận B cho rằng phần đất trên hộ ông T sử dụng là đất do Nhà nước trực tiếp quản lý là không đúng.

[3.3] Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, trường hợp của hộ ông T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Tại mục 3 phần II Báo cáo Thanh tra 312 có nêu: “...Hội đồng bồi thường thành phố họp xem xét chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với 5 hộ dân...ngoài hàng rào của Xí nghiệp...bị ảnh hưởng trong dự án...Phường PM trên địa bàn Quận B cũng đã kết luận...Áp dụng cho 5 hộ Tương tự như 02 hộ đã có giấy chứng nhận..., nghĩa vụ tài chính thực hiện theo quy định và không để xảy ra dấn dầy”. Theo Công văn 3306 thì Ủy ban Thành phố đã chấp thuận kiến nghị của Ủy ban Quận B tại Công văn 3797; Công văn 1037 về nguồn gốc pháp lý sử dụng đất, về đề xuất chính sách bồi thường, hỗ trợ của 5 hộ (gồm ông Lê Quốc Việt; ông Bạch Xuân Tùng; bà Nguyễn Thị Bé; ông Phan Văn T và bà Lê Thị Đây) có nhà đất phía ngoài Xí nghiệp và chấp thuận kiến nghị của Sở Tài chính, giao Sở Tài chính lập thủ tục trích từ nguồn chi khác của ngân sách thành phố để chi trả cho 5 hộ trong đó có hộ ông T. Từ các hướng dẫn chỉ đạo trên Ủy ban Quận B ban hành Quyết định 269 và quyết định này phù hợp với quy định pháp luật.

[3.4] Ủy ban Quận B ban hành Quyết định 98 để thu hồi, hủy bỏ Quyết định 269 là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông T. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban Quận B.

[3.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H là có cơ sở được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo Ủy ban Quận B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 220; Khoản 4 Điều 225; Khoản 1 Điều 241; Điều 242 và Khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ vào Điều 50 Luật Đất đai 2003;

Căn cứ vào Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;
Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận B. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận B.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân Quận B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được cấn trừ vào 300.000 đồng đã tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số AA/2017/0026400 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Chi Cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phượng